ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2678 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 03 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trang trại Phú Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần AV Phú Hưng số 143/CV-ĐTM ngày 28/11/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 661/BC-STNMT ngày 29 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Trang trại Phú Hưng" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần AV Phú Hưng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Môi trường thuộc Bộ TNMT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Kim Động;
- UBND xã Hiệp Cường;
- Công ty Cổ phần AV Phú Hưng;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC *(trả kết quả)*;
- Cổng TTĐT tỉnh *(đăng tải công khai)*;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2[L].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 03/12/2024 10:38:42

Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Trang trại Phú Hưng
(Kèm theo Quyết định số 2678 /QĐ-UBND ngày 03 /12/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trang trại Phú Hưng.
- Địa điểm thực hiện: Xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần AV Phú Hưng.

1.2. Phạm vi, quy mô Dự án

- Diện tích đất thực hiện dự án 92.697,2 m^2 *(trong khu đất có diện tích 95.637,4 m^2 đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương thực hiện dự án)* thuộc địa bàn xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- Mục tiêu dự án: Phát triển mô hình kinh tế trang trại sản xuất nông nghiệp theo định hướng ứng dụng công nghệ cao, cung cấp các sản phẩm nông nghiệp sạch chất lượng cao, an toàn và hiệu quả.

- Quy mô dự án: Nông nghiệp sạch các loại (rau, củ, quả, đậu, đỗ, cà chua, dưa chuột,...): 800 tấn/năm; cây ăn quả các loại: 135 tấn quả/năm; thủy sản các loại: 30 tấn/năm.

- Quy mô đất đai: Theo Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Trang trại Phú Hưng ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của UBND tỉnh.

TT	HẠNG MỤC SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (m^2)	TỶ LỆ (%)
1	Đất xây dựng công trình phục vụ sản xuất	8.910,27	9,08
2	Đất trồng rau (ngoài trời)	9.620,86	9,80
3	Đất mặt nước nuôi trồng thuỷ sản	17.290,15	17,61
4	Đất trồng cây ăn quả loại 1	10.711,75	10,91
5	Đất trồng cây ăn quả loại 2	16.889,27	17,2
6	Đất trồng cây ăn quả loại 3	9.103,87	9,27
7	Đất trồng rau (trong nhà kính)	13.909,55	14,17
8	Đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật	1.706,86	1,74
9	Đất bãi xe	888,80	0,91
10	Đất giao thông	6.606,00	6,72
11	Đất hàng lang giao thông đường ĐH.72	2.542,62	2,59
	Tổng diện tích lập quy hoạch	**98.180,00**	**100,00**

(Trong đó, diện tích thực hiện dự án khoảng 92.697,2 m^2; còn 2.940,2 m^2 là diện tích đất chưa bàn giao đất (phần diện tích này trên mặt bằng dự án là

thuộc khu đất cây xanh nên không ảnh hưởng đến quy mô, chức năng của các công trình quy hoạch)).

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của dự án không bao gồm hoạt động khai thác và vận chuyển vật liệu san nền phục vụ san nền, thi công hạ tầng.

1.3. Công nghệ sản xuất, kinh doanh

- Quy trình trồng nông sản sạch trong nhà kính: Chuẩn bị (nhà kính, đất trồng, giống) → gieo trồng → chăm sóc → thu hoạch, sơ chế, đóng gói, bảo quản → xuất bán.

- Quy trình trồng nông sản sạch ngoài trời: Chuẩn bị đất trồng + chuẩn bị hạt giống) → gieo trồng → chăm sóc → thu hoạch, sơ chế, đóng gói, bảo quản → xuất bán.

- Quy trình trồng cây ăn quả (cây lâu năm): Chọn cây giống → đào đất → bón lót → trồng cây → chăm sóc → thu hoạch, sơ chế, đóng gói, bảo quản → xuất bán.

- Quy trình nuôi trồng thủy sản: Chuẩn bị ao nuôi (xử lý ao nuôi, xử lý nước) → kiểm tra chất lượng nước nuôi → thả con giống → chăm sóc, quản lý → thu hoạch → phân loại, đóng gói → xuất bán.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai với diện tích 79.958,9 m^2.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng; bụi, khí thải từ máy móc, phương tiện thi công; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt; nước thải từ quá trình sơ chế các sản phẩm nông sản, vệ sinh dụng cụ, máy móc, thiết bị nông nghiệp; nước từ ao nuôi trồng thủy sản định kỳ thu hoạch, vệ sinh; khí thải từ hoạt động phun thuốc bảo vệ thực vật; bụi từ hoạt động đào, xới làm đất; khí thải từ hoạt động của kho lạnh; mùi, khí thải từ khu vực xử lý chất thải hữu cơ, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, máy phát điện dự phòng; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 05 m^3/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ, coliform.

+ Nước thải xây dựng từ quá trình rửa máy móc, thiết bị; hoạt động thi công xây dựng dự án phát sinh khoảng 1,5 m^3/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại dự án khoảng 3,1 m^3/ngày đêm, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là TSS, chất hữu cơ, dầu mỡ, coliform.

+ Nước thải sản xuất:

Nước thải từ quá trình sơ chế các sản phẩm nông sản, vệ sinh dụng cụ, máy móc, thiết bị nông nghiệp: Phát sinh khoảng 3,5 m^3/ngày đêm, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là TSS, COD, BOD_5.

Nước từ ao nuôi trồng thủy sản định kỳ thu hoạch, vệ sinh: Phát sinh khoảng 13.946 khi thực hiện thu hoạch với tần suất 01 lần/năm; phát sinh khoảng 34.580 m^3 khi thực hiện cải tạo lòng ao nuôi trồng thủy sản với tần suất 01 lần/05 năm.

3.1.2. Bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động, giải phóng mặt bằng, thi công san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn vận hành:

+ Khí thải từ hoạt động phun thuốc bảo vệ thực vật: Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thân thiện môi trường.

+ Bụi từ hoạt động đào, xới làm đất: Thành phần chủ yếu là bụi lơ lửng.

+ Mùi, khí thải từ khu vực tập kết, xử lý chất thải rắn hữu cơ, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với thành phần đặc trưng là khí H_2S, CH_4, …

+ Khí thải từ hoạt động của kho lạnh.

+ Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động giao thông, vận chuyển, máy nông nghiệp, máy phát điện dự phòng chủ yếu là các khí CO, NO_x. Tải lượng phát thải các khí này biến đổi theo không gian và thời gian.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 0,025 tấn/ngày, gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm…

+ Chất thải rắn thông thường: Phát sinh khoảng 1.003 kg/tháng trong quá trình thi công xây dựng, gồm: đất cát, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, bao bì đựng nguyên vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép.

+ Khối lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của đất trồng lúa khoảng 1.989,7 m^3; khối lượng bùn, đất nạo vét kênh mương khoảng 198,3 m^3; khối lượng đất đào ao nuôi thủy sản khoảng 34.4580,3 m^3.

+ Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 10 kg/tháng trong quá trình thi công xây dựng, gồm: Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ; các loại dầu mỡ thải; bóng đèn huỳnh quang thải; bao bì thải chứa thành phần nguy hại thải.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 15,5 kg/ngày (tương đương 4,836 tấn/năm), gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm…

+ Chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn hữu cơ, gồm: Phụ phẩm nông sản (cây hỏng, lá úa, gốc, rễ,…) khoảng 65.450 kg/năm; chất thải từ khu tăng gia sản xuất khoảng 150 kg/năm; thủy sản (cá) chết ở điều kiện bình thường khoảng 100 kg/năm; thủy sản (cá) chết ở điều kiện bị dịch bệnh khoảng 3.000 kg.

Chất thải vô cơ, gồm: Bao bì đựng phân bón, thức ăn thuỷ sản...; bao bì đựng sản phẩm hỏng, lỗi; cọc trồng hỏng, gãy; màng polyethylene đùn 5 lớp, dày 200 micron; lưới che nắng; lưới ngăn côn trùng; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 2.500 kg/năm.

Bùn ao nạt vét (định kỳ 5 năm/lần): Khối lượng khoảng 5.187 m^3.

+ Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 630 kg/năm, gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau, găng tay dính dầu; pin, ắc quy thải; các loại dầu mỡ thải; vỏ bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn hoạt động: Từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, máy nông nghiệp, máy bơm, máy phát điện dự phòng.

3.4. Các tác động khác

Trong quá trình hoạt động của Dự án có thể xảy ra sự cố cháy nổ, dịch bệnh và sự cố liên quan đến công trình xử lý nước thải tác động đến môi trường.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động loại 3.000 lít; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không thải ra môi trường.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải thi công, vệ sinh máy móc, thiết bị được thu gom về hố ga lắng cặn đảm bảo vệ sinh môi trường, tái sử dụng cho quá trình thi công, không thải ra môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ qua 06 bể tự hoại có thể tích mỗi bể 05 m^3 sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 05 m^3/ngày đêm, quy trình: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → bể thu gom → bể sinh học thiếu khí → bể sinh học hiếu khí → bể lắng sinh học, màng MBR → bồn chứa nước sau xử lý (bổ sung clorin viên nén khử trùng) → nước thải sau xử lý đạt QCĐP 01:2019/HY (K=1,2, K_{hy}=0,9) thải ra kênh tiêu nhánh sông Đống Lỗ thuộc địa bàn xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

+ Nước thải sản xuất:

Nước thải từ quá trình sơ chế các sản phẩm nông sản, vệ sinh dụng cụ, máy móc, thiết bị nông nghiệp được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 05 m^3/ngày đêm, quy trình: Nước thải sản xuất → bể thu gom → bể lắng 1 → mương ô xy hóa → bể lắng 2→ nước thải sau xử lý đạt QCĐP 02:2019/HY, QCVN 08:2023/BTNMT, cột B, bảng 2 được tuần hoàn, tái sử dụng cho hoạt động tưới cây ăn quả.

Nước từ ao nuôi thủy sản định kỳ thu hoạch, vệ sinh: Khi thực hiện thu hoạch với tần suất 01 lần/năm và cải tạo lòng ao nuôi thủy sản với tần suất 01 lần/05 năm, thực hiện lấy mẫu phân tích chất lượng nước ao nuôi thủy sản đảm bảo chất lượng đạt QCVN 08:2023/BTNMT, cột B, bảng 2 và thông báo đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi huyện Kim Động trước khi xả nước thải ra kênh tiêu nhánh sông Đống Lỗ thuộc địa bàn xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên với lưu lượng xả 1.600 m^3/ngày đêm (chế độ xả thải: 08 giờ/ngày; thời gian xả thải: 10-15 ngày đối với đợt thu hoạch, 20-30 ngày đối với đợt cải tạo lòng ao).

Tọa độ điểm xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0):* X= 2291638; Y= 556774.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 05 m^3/ngày đêm đạt QCĐP 01:2019/HY (K=1,2, K_{hy}=0,9) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt thải ra kênh tiêu nhánh sông Đống Lỗ thuộc địa bàn xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; thu gom, xử lý nước thải từ quá trình sơ chế các sản phẩm nông sản, vệ sinh dụng cụ, máy móc, thiết bị nông nghiệp tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 05 m^3/ngày đêm đảm bảo đạt QCĐP 02:2019/HY, QCVN 08:2023/BTNMT, cột B, bảng 2 được tuần hoàn, tái sử dụng cho hoạt động tưới cây ăn quả; thực hiện giám sát, lấy mẫu phân tích chất lượng nước ao nuôi thủy sản đảm bảo chất lượng đạt QCVN 08:2023/BTNMT, cột B, bảng 2 và thông báo đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi huyện Kim Động trước khi xả nước thải ra kênh tiêu nhánh sông Đống Lỗ thuộc địa bàn xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường; xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Không sử dụng các loại xe, máy không đủ tiêu chuẩn lưu hành, thi công trong Dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc công trình và phương tiện vận tải.

+ Phủ bạt kín các xe chở vật liệu xây dựng để tránh phát tán bụi.

+ Không vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng vào giờ cao điểm.

+ Đặt các biển báo, phân vùng cách ly an toàn xung quanh khu vực thi công.

+ Thường xuyên tưới ẩm, phun nước các đoạn đường xung quanh Dự án để hạn chế bụi.

+ Trang bị bảo hộ và công cụ lao động thích hợp cho công nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải và đảm bảo an toàn lao động.

- Giai đoạn vận hành:

+ Quy hoạch, trồng cây xanh xung quanh dự án.

+ Vệ sinh, quét dọn xung quanh các khu vực như nhà chế biến, nhà đóng gói, nhà bảo quản, kho vật tư nông nghiệp, sân đường nội bộ; điều tiết các phương tiện vận chuyển ra vào dự án.

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế của trạm xử lý nước thải tập trung; các yêu cầu vận hành và giám sát trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

+ Định kỳ phun chế phẩm vi sinh khử mùi hôi từ quá trình ủ phân; thu gom, đậy bạt kín, không để rơi vãi rác thải ra ngoài khu vực xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường không khí, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí QCVN 05:2023/BTNMT; tuân thủ các Quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan và các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa dung tích 80 lít để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng: Thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Toàn bộ khối lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của đất trồng lúa, bùn, đất nạo vét kênh mương, đất đào ao nuôi thủy sản được tận dụng để trồng trọt tại dự án, không vận chuyển ra ngoài khuôn viên dự án.

+ Chất thải nguy hại: Bố trí 04 thùng chứa dung tích 500 lít có nắp đậy để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thiết bị, phương tiện thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt làm 02 loại:

Chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ: Được thu gom, ủ phân, đảo trộn, phun chế phẩm vi sinh xử lý tại khu xử lý chất thải hữu cơ và bón trồng cây tại dự án.

Chất thải rắn sinh hoạt vô cơ: Được thu gom, lưu giữ tạm thời về khu lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích 25 m^2; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn thông thường: Thực hiện phân loại tại nguồn làm 02 loại:

Chất thải rắn hữu cơ: Được thu gom, ủ phân, đảo trộn, phun chế phẩm vi sinh xử lý tại khu xử lý chất thải hữu cơ và bón trồng cây tại dự án.

Chất thải vô cơ: Được thu gom, lưu giữ tạm thời về khu lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích 25 m^2; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

Đối với bùn ao nạt vét (định kỳ 5 năm/lần): Được bơm hút theo đường ống, đắp vào các gốc cây trồng tại dự án.

+ Chất thải nguy hại: Bố trí thiết bị, phương tiện thu gom, lưu giữ tạm thời về khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 25 m^2; có hệ thống rãnh thu và hố thu gom chất thải lỏng, dán biển cảnh báo nguy hiểm theo TCVN 6707:2009, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

Đối với thủy sản (cá) chết ở điều kiện bình thường sẽ tiến hành thu gom, xử lý tại khu xử lý chất thải hữu cơ đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Đối với thủy sản (cá) chết ở điều kiện bị dịch bệnh sẽ báo cho cơ quan có thẩm quyền và phối hợp với đơn vị tại địa phương và cơ quan chức năng thực hiện phương án tiêu hủy theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Các máy móc tham gia thi công sẽ được kiểm tra, bao dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động tốt, tiếng ồn tạo ta không vượt quá giới hạn cho phép.

- Giai đoạn vận hành:

+ Quy hoạch, trồng cây xanh xung quanh dự án.

+ Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị hoạt động tại dự án (như máy phát điện, máy bơm, máy nông nghiệp).

+ Tuyền truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân làm việc tại Dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; trường hợp, hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố và chưa khắc phục được ngay, Công ty sẽ dừng hoạt động phát sinh nước thải, không xả nước nước chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó dịch bệnh: Áp dụng mô hình trang trại sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, cung cấp các sản phẩm nông nghiệp sạch chất lượng cao, an toàn và hiệu quả.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

** Giám sát không khí xung quanh:*

- Số vị trí: 01 điểm.
- Vị trí giám sát: Tại khu vực thực hiện dự án.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO_2, CO, NO_2, vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió).
- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần trong quá trình xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

** Giám sát chất thải rắn:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.3. Giai đoạn vận hành chính thức

** Giám sát nước thải:*

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục và định kỳ nước thải theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

** Giám sát nước xả nuôi thủy sản:*

- Vị trí giám sát: Nước tại ao nuôi trồng thuỷ sản (tại ao chính đối với đợt thu hoạch, tại 03 ao đối với đợt cải tạo lòng ao).
- Thông số giám sát: pH, BOD_5, COD, TOC, TSS, DO, Tổng Phosphor, Tổng Nitơ, Tổng Coliform.
- Thời gian lấy mẫu: Lấy mẫu phân tích nước ao trước khi xả khoảng 10-15 ngày (đảm bảo khi có kết quả phân tích đạt quy chuẩn mới thực hiện xả).
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B, bảng 2).

** Giám sát chất thải rắn:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu

gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; định kỳ 01 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất trồng lúa trình cấp có thẩm quyền chấp thuận và bảo vệ, sử dụng lượng đất hữu cơ này theo quy định tại Luật Trồng trọt, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để tiết kiệm, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo phương tiện, nhân lực để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Thực hiện việc cấp giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.